

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HS-ST

Ngày: 13 - 7- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phụng

Bà Đỗ Thị Thu Hương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn D. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 21 tháng 10 năm 2003 tại Đăk Lăk. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố I, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông: Trần Văn H (không rõ năm sinh), đang cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Lăk và con bà: Đỗ Thị N (Đỗ Thị Hồng N) sinh năm 1982, đang cư trú tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Hồng N (Đỗ Thị Hồng N). Sinh năm: 1982. Cư trú tại: cư trú tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Là mẹ đẻ của bị cáo. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo chỉ định của Tòa án cho bị cáo: Bà Phan Thị H- Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Anh V - Trợ giúp viên Pháp lý- thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên

tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Quốc S. Sinh năm 2003, HKTT: Tổ K, phường A , thị xã B tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: 39A đường T, phường B, thành phố Đ, Lâm Đồng. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D, sinh ngày 21/10/2003 từ Đắk Lắk đến thành phố Đ làm nhân viên quán cà phê B và ở trọ tại nhà trọ số 39A đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cùng với Nguyễn Quốc S và Nguyễn Thanh V. Khoảng 05 giờ 00 ngày 26/01/2021, D thức dậy chuẩn bị đi làm thì nhìn thấy ví da của anh S ở trên nệm, gần vị trí anh S đang ngủ nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh S. Thực hiện ý định, D lấy chiếc ví da bỏ vào túi đeo chéo của mình và đem đến nơi làm việc là quán cà phê B. Khi đến quán, D kiểm tra trong ví có 10.000.000 đồng sau đó cất chiếc ví vào tủ đồ cá nhân rồi tiếp tục làm việc. Anh S ngủ dậy phát hiện bị mất ví da cùng số tiền 10.000.000 đồng nên đến Công an phường 2, thành phố Đà Lạt trình báo. Công an phường 2, thành phố Đà Lạt, đã mời D lên làm việc, tại đây D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. (BL 43-61, 65-72)

Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);
- 01 ví da màu đen nhãn hiệu POLO-MESIDO;
- 01 điện thoại di động hiệu REALMI màu xanh đen;
- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn D.

Kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐG ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng kết luận chiếc ví da màu đen nhãn hiệu POLO-MESIDO không còn giá trị để định giá. (BL 36-37).

Bị hại là anh Nguyễn Quốc S. Sinh năm 2003, HKTT: Tổ K, phường A , thị xã B tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: 39A đường T, phường B, thành phố Đ, Lâm Đồng bị chiếm đoạt 01 ví da màu đen và 10.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại 10.000.000 đồng cho anh Sơn, anh S không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. (BL 28, 33-34, 41-41,)

Cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 07/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn D, khai nhận đã thực hiện hành vi đã nêu tại bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội đối với bị cáo: Đối chiếu với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Trần Văn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các điểm i, s Khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 36, Điều 90, 91, 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn D, từ 9 đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 3,4 Điều 36 của Bộ luật hình sự miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập. Về vật chứng: Trả cho bị hại là anh S 01 ví da màu đen nhãn hiệu POLO-MESIDO; trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu REALMI màu xanh đen, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn D.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo do Tòa án chỉ định bà Phan Thị H đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm, xem xét thêm hoàn cảnh của bị cáo, từ nhỏ sống với ông bà ngoại, không được sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ, nghỉ học sớm nên về nhận thức về pháp luật còn hạn chế.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy sai trái của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người bị hại xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viên kiểm sát, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không yêu cầu phải có mặt người bị hại. Xét thấy, người bị hại có có bản khai tại hồ sơ, đã nhận lại tài sản có giá trị và không có yêu cầu bồi thường nào khác, sự vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến kết quả xét xử bị cáo, nên tiến hành xử vắng mặt theo luật định.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo (mẹ đẻ) đã được triệu tập họp lệ nhưng không có mặt. Tuy nhiên Tòa án cũng đã chỉ định Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Đ cử người đại diện theo pháp luật cho bị cáo theo qui định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người

tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác, vật chứng đã thu giữ, kết quả định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 05 giờ 00 ngày 26/01/2021 tại nhà trọ số 39A đường T, phường B, thành phố Đ, Trần Văn D đã trộm cắp 01 ví da và số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Quốc S. Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[4] Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội dưới 18 tuổi, người bị hại xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: nhận thấy bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rất rõ việc lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lén lút trộm cắp là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội thực hiện, Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, bị cáo khi phạm tội dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 90, 91, 100 của Bộ luật hình sự để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ xử phạt bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo đăng ký nhân khẩu thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo theo qui định tại khoản 3, 4 điều 36 của Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng: Căn cứ biên bản, tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 26/01/2021 của Công an phường B, thành phố Đ và biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa cơ quan điều tra công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, đối với 01 ví da màu đen nhãn hiệu POLO-MESIDO là tài sản của người bị hại, bị người phạm tội chiếm đoạt, nên trả lại cho người bị hại. Đối với 01 điện thoại di động hiệu REALMI màu xanh đen, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn D; xét thấy đây là tài sản và là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự; Người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D, phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 90, 91, 100, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D, 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

Áp dụng khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015. Giao bị cáo Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 3,4 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ khác theo các qui định về cải tạo không giam giữ.

3- Về Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Trả cho anh Nguyễn Quốc S: 01 ví da màu đen nhãn hiệu POLO-MESIDO.

-Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu REALMI màu xanh đen, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn D (Theo biên bản giao

nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa cơ quan điều tra công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo; người bào chữa; người đại diện theo pháp luật cho bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại và người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THA TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- UBND phường A,
thị xã B, tỉnh Đắk Lắk
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

